

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 63/2024/DS-ST

Ngày: 20 – 5 – 2024

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Phan Kiên Nhân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tín - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thuý Liễu – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST – DS ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị Ngọc Y**, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: **Số A, Khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long**

* **Bị đơn:** 1/ Ông **Võ Thành T**, sinh năm 1985

2/ Bà **Lê Thị Hồng T1**, sinh năm 1988

Cùng nơi cư trú: **Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.**

Đại diện theo ủy quyền của chị **T1: Ông Võ Thành T**, sinh năm 1985 (Có mặt)

Nơi cư trú: **Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.**

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1960 (Có mặt)

Nơi cư trú: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.**

2/ Chị **Đỗ Thị Kim M**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Nơi cư trú: **Số A, Khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Võ Thị Ngọc Y** trình bày:

Nguồn gốc phần đất thửa 145, diện tích 1.326,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3, tọa lạc **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**.

Ngày 13/6/2022, bà **Y** cùng với anh **T** đến phần đất nêu trên để xem đất, lúc đó có ông **Lê Văn N** (ba vợ của anh **T**), không có bà **Lê Thị B** chủ đất ở đó. Cùng ngày bà **Y** cùng anh **T**, ông **N**, bà Ba cùng đến **Ngân hàng N2, chi nhánh huyện T** để trả tiền cho Ngân hàng do bà **B** đang thế chấp vay phần đất bán cho bà **Y**. Bà **Y** giao tiền cho anh **T**, bà **B** số tiền 80.000.000đồng để trả cho Ngân hàng, khi đưa tiền không làm giấy tờ, còn 20.000.000đồng thì khi nào làm xong thủ tục mua bán đất thì bà **Y** sẽ giao đủ. Khi anh **T**, bà **B** đi ra từ ngân hàng thì mọi người nhà ai nấy về không làm gì khác.

Vào 07/7/2022, anh **T** có lên gặp bà **Y** xuống **T** để đóng thuế làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng do mẹ bà **Y** bệnh nên bà **Y** không xuống được nên bà **Y** đưa trực tiếp cho anh **T** 23.000.000đồng, khi đưa tiền không làm giấy tờ và anh **T** giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **Y** nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh **Võ Thành T** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc anh **T** đứng tên thay bà **Y** là do bà **Y** nhờ). Đến nay thì anh **T** vẫn chưa làm thủ tục sang tên lại cho bà **Y**.

Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà **Y** đã thế chấp cho chị **Đỗ Thị Kim M**, sinh năm 1984, địa chỉ: **số A, ấp T, phường T, thành phố V** để vay số tiền 100.000.000đồng, không có làm giấy tờ chỉ nói miệng với nhau, hiện chị **M** đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 145, diện tích 1.326,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3, tọa lạc **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** do anh **Võ Thành T** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà **Y** yêu cầu anh **T** làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên bà **Y** và yêu cầu giao phần đất thửa 145, diện tích 1.326,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3, tọa lạc **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** cho bà **Y**. Trong trường anh **T**, chị **T1** không giao lại đất cho bà **Y** thì yêu cầu anh **T** trả số tiền là 103.000.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 13/6/2022 đến 13/5/2024 với lãi suất là 0,83%/tháng là 23 tháng thành tiền lãi là: 19.662.700đồng. Tổng cộng là 122.662.700đồng. Riêng cây trồng trên đất của anh **T** trồng có giá là 56.356.000đồng theo biên bản định giá ngày 22/8/2023, bà **Y** thống nhất theo biên bản định giá nhưng bà **Y** yêu cầu anh **T** di dời không đồng ý bồi hoàn. Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà **Y** đang giữ.

- Bị đơn anh **Võ Thành T** và chị **Lê Thị Hồng T1** có anh **Võ Thành T** là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Anh **T** không có mua đất dùm bà **Y**, anh **T** cũng không có ký tên trong giấy tay ngày 13/6/2022. Nguồn gốc đất thửa 145, diện tích 1.326,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3, tọa lạc **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** là của bà **Lê Thị B** (cô ruột của vợ) thấy vợ chồng anh **T** không có nhà ở nên đồng ý bán lại với giá

100.000.000đồng, khi đó đất bà **B** còn đang thế chấp ở Ngân hàng nông nghiệp huyện **T** 50.000.000đồng, anh **T** trả tiền cho ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về làm thủ tục sang tên, số tiền này là do bà nội của anh **T** là bà **Đỗ Thị T2** (chết) cho anh **T** 50.000.000đồng nên anh **T** mới có tiền chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Hiện nay phần đất anh **T** đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh **T** không có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **Y** mà anh **T** giao cho bà **N1** là bà **Đỗ Thị T2** nhưng sau khi bà nội chết thì bà **Võ Thị Ngọc Y** sống với bà **T2** nên bà **Y** mới có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh **T**, chứ anh **T** không có chuyển nhượng đất cho bà **Y**.

Trên phần đất hiện có trồng dừa và 01 cái chòi tạm của anh **T** cho ông **Lê Văn Đ** (chú của vợ) ở nhờ để chăm sóc cây trồng.

Nay anh **T** không đồng ý theo yêu cầu của bà **Y** vì anh **T** không có đứng tên giấy chứng nhận chuyển nhượng đất thay cho bà **Y**. Anh **T** yêu cầu bà **Y** phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 145, diện tích 1.326,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp **T**, xã **T**, huyện **T**, tỉnh **Vĩnh Long** do **Võ Thành T** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong trường hợp buộc trả đất cho bà **Y**, anh **T** yêu cầu bà **Y** hoàn lại giá trị cây trồng là 56.356.000đồng theo biên bản định giá ngày 22/8/2023. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lê Thị B** trình bày như sau: Nguồn gốc phần đất thửa 145, diện tích 1.326,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp **T**, xã **T**, huyện **T**, tỉnh **Vĩnh Long** là của dì là bà **Trần Thị T3** (chết) để lại bà **Lê Thị B**, sau đó thấy vợ chồng cháu **T** không có nhà ở nên bà **B** đồng ý chuyển nhượng lại cho vợ chồng cháu **T**, cháu **T1** với giá 100.000.000đồng vào năm 2022. Khi chuyển nhượng thì bà **B** đang thế chấp Ngân hàng, cháu **T** mới trả tiền cho Ngân hàng 50.000.000đồng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Hiện cháu **T** và cháu **T1** đã trả đủ tiền cho bà **B**, bà **B** cũng đã giao đất cho vợ chồng cháu **T** cháu **T1** quản lý sử dụng. Hiện tại phần đất do cháu **Võ Thành T** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc bà **Y** trình bày là có nhờ cháu **T** mua đất của bà **B** thì bà **Ba** không biết, bà **Ba** chuyển nhượng đất cho vợ chồng cháu **T**, cháu **T1** chứ không có chuyển nhượng cho bà **Y**.

Nay bà **B** không có ý kiến gì trong việc tranh chấp giữa bà **Y** và anh **T**. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị **Đỗ Thị Kim M** trình bày như sau:

Vào ngày 16/3/2022, chị **M** có cho bà **Y** mượn số tiền là 100.000.000đồng, mượn tiền không làm giấy tờ, không có hạn thời gian trả, khi mượn tiền thì bà **Y** có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 145, diện tích 1.326,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp **T**, xã **T**, huyện **T**, tỉnh **Vĩnh Long** do anh **Võ Thành T** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay bà **Y** chưa trả cho chị **M** số tiền này.

Nay chị **Đỗ Thị Kim M** không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với bà **Y** đối với số tiền

100.000.000đồng. Riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chị **M** đã trả lại cho bà **Y**. Ngoài ra không ý kiến hay yêu cầu gì khác

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình có ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157; Điều 161; Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị Ngọc Y**.

Buộc anh **Võ Thành T**, chị **Lê Thị Hồng T1** có trách nhiệm trả cho bà **Võ Thị Ngọc Y** số tiền là vốn là 100.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/6/2022 đến 13/5/2024 là 23 tháng thành tiền lãi là: 19.090.000đồng. Tổng cộng là 119.090.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa thi hành án xong thì phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

Anh **Võ Thành T** tiếp tục quản lý sử dụng phần đất tại đất 145, diện tích 1.326,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp **T**, xã **T**, huyện **T**, tỉnh **Vĩnh Long** do anh **Võ Thành T** đứng tên giấy chứng nhận quyền đất gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 1. Trên đất có gắn căn chòi của anh **Võ Thành T** gồm mái lợp tole, vách tole, diện tích 21m² và cây trồng trên đất gồm: dừa, chuối giá 56.356.000đồng.

Kích thước, hình thể, giáp giới các thửa đất nêu trên được xác định theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 25/9/2023 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện T**.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị Ngọc Y** về việc yêu cầu anh **Võ Thành T**, chị **Lê Thị Hồng T1** trả lại số tiền là 3.000.000đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh **T** và chị **T1** có nghĩa vụ nộp 5.954.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Y** nộp 300.000đồng đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 3.000.000đồng.

Về chi phí khảo sát và định giá tài sản: Anh **T**, chị **T1** nộp 2.250.000đồng và bà **Y** nộp 2.250.000đồng.

Chi phí giám định chữ ký: Anh **T** nộp 5.000.000đồng

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên

tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà **Võ Thị Ngọc Y** yêu cầu trả lại phần đất tại 145, diện tích 1.326,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3, tọa lạc **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** do **Võ Thành T** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tranh chấp về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Tài sản tranh chấp là bất động sản ở **huyện T** nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà **Võ Thị Ngọc Y** vẫn giữ nguyên yêu cầu yêu cầu anh **Võ Thành T**, chị **Lê Thị Hồng T1** di dời vật kiến trúc, cây trồng và trả lại phần đất thửa 145, diện tích 1.326,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3, tọa lạc **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** do **Võ Thành T** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà **Y** không bồi hoàn tiền di dời. Trong trường hợp anh **T**, chị **T1** không di dời trả đất cho bà **Y** thì bà **Y** yêu cầu anh **T**, chị **T1** trả số tiền là 103.000.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 13/6/2022 đến 13/5/2024 với lãi suất là 0,83%/tháng là 23 tháng thành tiền lãi là: 19.662.700đồng. Tổng cộng là 119.662.700đồng. Bị đơn là anh **Võ Thành T** không đồng ý theo yêu của bà **Võ Thị Ngọc Y**.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị Ngọc Y** là có căn cứ chấp nhận một phần. Bởi lẽ, vào ngày 22/6/2022, anh **Võ Thành T** và bà **Lê Thị B** có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất 145, diện tích 1.326,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3, tọa lạc **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** với giá là 100.000.000đồng. Anh **T** đã giao đủ tiền và nhận đất canh tác, đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặt khác, vào ngày 13/6/2022, anh **Võ Thành T** và bà **Võ Thị Ngọc Y** có làm văn bản thỏa thuận nội dung: “...tôi tên **Võ Thành T** (sinh năm) 1985 có đứng tên trùm cô (là bà **Võ Thị Ngọc Y**) một miếng đất mua của cô vợ là bà **Lê Thị B**, sinh năm 1960.....thửa đất và nhà ở gắn liền với đất tổng diện tích 1.326,3m²....” trong văn bản có chữ ký tên và họ tên của anh **Võ Thành T**. Tại Kết luận giám định số: 825/KL-KTHS ngày 20/12/2023 của **Phòng K - Công an tỉnh V** xác định chữ ký mang tên **Võ Thành T** và chữ viết họ tên **Võ Thành T4** là do cùng một người ký ra và cùng một người viết ra. Như vậy có đủ cơ sở chứng minh việc bà **Y** có nhờ anh **T** mua đất và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bà **Võ Thị Y** chỉ yêu cầu anh **Võ Thành T**, chị **Lê Thị Hồng T1** có trách nhiệm trả lại 103.000.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày từ ngày 13/6/2022 đến 13/5/2024 với lãi suất là 0,83%/tháng là 23 tháng thành tiền lãi là: 19.662.700đồng. Tổng cộng là 119.662.700đồng và anh **Võ Thành T** chỉ đồng ý trả cho bà **Võ Thị Ngọc Y** số tiền vốn 100.000.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày từ ngày 13/6/2022 đến 13/5/2024 với lãi suất là 0,83%/tháng là 23 tháng thành tiền lãi là: 19.090.00đồng. Tổng cộng là 119.090.000đồng.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà

Võ Thị Ngọc Y.

[2.1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc Y.

Buộc anh Võ Thành T, chị Lê Thị Hồng T1 có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Ngọc Y số tiền là 119.090.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa thi hành án xong thì phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

Anh Võ Thành T tiếp tục quản lý sử dụng phần đất tại đất 145, diện tích 1.326,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do anh Võ Thành T đứng tên giấy chứng nhận quyền đất gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 1. Trên đất có gắn căn chòi của anh Võ Thành T gồm mái lợp tole, vách tole, diện tích 21m² và cây trồng trên đất gồm: dừa, chuối giá 56.356.000đồng.

Kích thước, hình thể, giáp giới các thửa đất nêu trên được xác định theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 25/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

[2.2]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc Y về việc yêu cầu anh Võ Thành T, chị Lê Thị Hồng T1 trả lại số tiền 3.000.000đồng.

[2.3]. Về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 4.500.000đồng. Buộc bà Võ Thị Ngọc Y và anh Võ Thành T mỗi người nộp 2.250.000đồng. Bà Võ Thị Ngọc Y đã nộp tạm ứng là 6.500.000đồng nên bà Y được nhận lại số tiền còn thừa là 2.000.000đồng (đã nhận xong) và anh T có trách nhiệm hoàn lại cho bà Y số tiền là 2.250.500đồng.

Về chi phí giám định chữ ký: 5.000.000đồng anh Võ Thành T phải chịu.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Võ Thành T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà Y được chấp nhận là 119.090.000đồng x 5% = 5.954.500đồng.

- Bà Võ Thị Ngọc Y phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Y đã nộp là 3.031.500đồng theo biên lai thu số No 0014080 ngày 22/4/2024 và 2.354.182đồng theo biên lai thu số No 0011497 ngày 29/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên bà Y được nhận lại số tiền chênh lệch là 5.076.682đồng.

[2.4]. Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên Tòa là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157; Điều 161; Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị Ngọc Y**.

Buộc anh **Võ Thành T**, chị **Lê Thị Hồng T1** có trách nhiệm trả cho bà **Võ Thị Ngọc Y** số tiền vốn 100.000.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày từ ngày 13/6/2022 đến 13/5/2024 với lãi suất là 0,83%/tháng là 23 tháng thành tiền lãi là: 19.090.000đồng. Tổng cộng là 119.090.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa thi hành án xong thì phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

Anh **Võ Thành T** tiếp tục quản lý sử dụng phần đất tại đất 145, diện tích 1.326,3m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 3, tọa lạc **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** do anh **Võ Thành T** đứng tên giấy chứng nhận quyền đất gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 1. Trên đất có gắn căn chòi của anh **Võ Thành T** gồm mái lợp lợp tole, vách tole, diện tích 21m² và cây trồng trên đất gồm: dừa, chuối giá 56.356.000đồng.

Kích thước, hình thể, giáp giới các thửa đất nêu trên được xác định theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 25/9/2023 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện T**.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị Ngọc Y** về việc yêu cầu anh **Võ Thành T**, chị **Lê Thị Hồng T1** trả lại số tiền 3.000.000đồng.

3. Về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 4.500.000đồng. Buộc bà **Võ Thị Ngọc Y** và anh **Võ Thành T** mỗi người nộp 2.250.000đồng. Bà **Võ Thị Ngọc Y** đã nộp tạm ứng là 6.500.000đồng nên bà **Y** được nhận lại số tiền còn thừa là 2.000.000đồng (đã nhận xong) và anh **T** có trách nhiệm hoàn lại cho bà **Y** số tiền là 2.250.500đồng.

- Về chi phí giám định chữ ký: 5.000.000đồng anh **Võ Thành T** phải chịu (đã nộp xong).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh **Võ Thành T** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.954.500đồng.

- Bà **Võ Thị Ngọc Y** phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà **Y** đã nộp là 3.031.500đồng theo biên lai thu số No 0014080 ngày 22/4/2024 và 2.354.182đồng theo biên lai thu số No 0011497 ngày 29/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên bà **Y** được nhận lại số tiền chênh lệch là 5.076.682đồng.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Trần Thị Hồng Chi